Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8712.00.90

Mã HS	8712.00.90
Mô tả hàng hóa	Xe đạp hai bánh và xe đạp khác (kể cả xe xích lô ba bánh chở hàng), không lắp động cơ / - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 19:18:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/87120090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	67.5	67,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17653
Thuế NK ưu đãi (MFN)	45	45%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17653
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17653
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	10 (-BN, KH, ID, MM)	10% (trừ BN, KH, ID, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	16,3	16,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	16,3	16,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	31.5	31,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AJCEP	50	50%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	50	50%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		10	AC!E16971
ATIGA	2022	2022	0	AT!E16900
ATIGA	2023	2023	0	AT!F16900
ATIGA	2024	2024	0	AT!G16900
ATIGA	2025	2025	0	AT!H16900
ATIGA	2026	2026	0	AT!I16900
ATIGA	2027	2027	0	AT!J16900
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	80	AJ!E16956
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	50	AJ!F16956
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	50	AJ!G16956
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	50	AJ!H16956
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	50	AJ!I16956

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	50	AJ!J16956
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	80	VJ!E16957
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	80	VJ!F16957
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	50	VJ!G16957
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H16957
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I16957
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J16957
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		50	AK!F16962
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H16917
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F16914
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G16914
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H16914
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I16914
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J16914
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K16914
VKFTA	2022	2022	45	VK!E16960
VKFTA	2023	2023	45	VK!F16960
VKFTA	2024	2024	45	VK!G16960
VKFTA	2025	2025	45	VK!H16960
VKFTA	2026	2026	45	VK!I16960
VKFTA	2027	2027	45	VK!J16960
VCFTA	2022	2022	12	VC!D17022
VCFTA	2023	2023	6	VC!E17022
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17022
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17022
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17022

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17022
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D16998
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E16998
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F16998
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G16998
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H16998
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I16998
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D16993
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E16993
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F16993
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G16993
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H16993
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I16993
EVFTA	2022	2022	32,7	EV-NK!D17023
EVFTA	2023	2023	28,6	EV-NK!E17023
EVFTA	2024	2024	24,5	EV-NK!F17023
EVFTA	2025	2025	20,4	EV-NK!G17023
EVFTA	2026	2026	16,3	EV-NK!H17023
EVFTA	2027	2027	12,2	EV-NK!I17023
UKVFTA	2022	2022	32,7	UKV!D17022
UKVFTA	2023	2023	28,6	UKV!E17022
UKVFTA	2024	2024	24,5	UKV!F17022
UKVFTA	2025	2025	20,4	UKV!G17022
UKVFTA	2026	2026	16,3	UKV!H17022
UKVFTA	2027	2027	12,2	UKV!I17022
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	22,5	CPTPP!D17116

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	16,8	CPTPP!E17116
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	11,2	CPTPP!F17116
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	5,6	CPTPP!G17116
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17116
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17116
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17116
RCEP A	2022	2022	45	RCEPT-A!D16985
RCEP A	2023	2023	45	RCEPT-A!E16985
RCEP A	2024	2024	45	RCEPT-A!F16985
RCEP A	2025	2025	45	RCEPT-A!G16985
RCEP A	2026	2026	45	RCEPT-A!H16985
RCEP A	2027	2027	45	RCEPT-A!I16985
RCEP B	2022	2022	45	B!D16985
RCEP B	2023	2023	45	B!E16985
RCEP B	2024	2024	45	B!F16985
RCEP B	2025	2025	45	B!G16985
RCEP B	2026	2026	45	B!H16985
RCEP B	2027	2027	45	B!I16985
RCEP C	2022	2022	45	C!D16983
RCEP C	2023	2023	45	C!E16983
RCEP C	2024	2024	45	C!F16983
RCEP C	2025	2025	45	C!G16983
RCEP C	2026	2026	45	C!H16983
RCEP C	2027	2027	45	C!I16983
RCEP D	2022	2022	45	D!D16982
RCEP D	2023	2023	45	D!E16982

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2024	2024	45	D!F16982
RCEP D	2025	2025	45	D!G16982
RCEP D	2026	2026	45	D!H16982
RCEP D	2027	2027	45	D!I16982
RCEP E	2022	2022	45	E!D16986
RCEP E	2023	2023	45	E!E16986
RCEP E	2024	2024	45	E!F16986
RCEP E	2025	2025	45	E!G16986
RCEP E	2026	2026	45	E!H16986
RCEP E	2027	2027	45	E!I16986
RCEP F	2022	2022	45	F!D16985
RCEP F	2023	2023	45	F!E16985
RCEP F	2024	2024	45	F!F16985
RCEP F	2025	2025	45	F!G16985
RCEP F	2026	2026	45	F!H16985
RCEP F	2027	2027	45	F!I16985
VIFTA	2024	2024	40.5	VI!F15930
VIFTA	2025	2025	36	VI!G15930
VIFTA	2026	2026	31.5	VI!H15930
VIFTA	2027	2027	27	VI!I15930

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Phương tiện QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.II)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 45%, RCEP (Phụ lục B) 45%, RCEP (Phụ lục C) 45%, RCEP (Phụ lục D) 45%, RCEP (Phụ lục E) 45%, RCEP (Phụ lục F) 45%, VKFTA 45%, AJCEP 50%, AKFTA 50%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (45%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 45%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8712.00 có 4 dòng thuế; dòng 8712.00.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8712.00.10 Xe đạp đua; 8712.00.20 Xe đạp được thiết kế dành cho trẻ em (SEN); 8712.00.30 Xe đạp khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8712.00.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 45% của mã 8712.00.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17653), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Phương tiện QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.II)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.